

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tâm

Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 147 đường Văn Tiến Dũng, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tố U**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 502/42 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn – ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Tố U xây dựng gia đình với nhau vào tháng 4 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ vợ tại địa chỉ 502/42 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống nảy sinh nhiều mâu

thuần, đình điểm ngày 10/10/2019, tôi đã bỏ đi ra ngoài thuê nhà ở riêng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân không tôn trọng lẫn nhau. Tôi đã 02 lần nộp đơn để giải quyết ly hôn nhưng khi Tòa án hòa giải tôi đã rút đơn để về hàn gắn vợ chồng nhưng không được nên tôi làm đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” đối với bà U. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà U.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị Tố U có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018. Hiện nay, 04 con chung đang do bà Nguyễn Thị Tố U trực tiếp nuôi dưỡng. Khi nộp đơn khởi kiện, tôi có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014 và Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015; giao 02 con chung Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên hiện nay tôi thấy các con chung đang do gia đình bà U nuôi dưỡng rất đảm bảo, mặt khác tôi đang ở nhà thuê, chưa có nhà cửa ổn định nên tôi có nguyện vọng giao cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đ (Mỗi con 2.000.000đ) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bà Nguyễn Thị Tố U vắng mặt tại phiên tòa, vắng mặt tại các lần hòa giải nhưng bà Trang có đến Tòa án đơn trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà U xác định bà và ông Nguyễn Hữu N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Bà không đồng ý với trình bày của ông N về mâu thuẫn vợ chồng, bà cho rằng vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì lớn, bà không đồng ý ly hôn nhưng bà không thể hàn gắn vợ chồng, bà chỉ đồng ý ly hôn khi các con bà đủ tuổi trưởng thành.

- Về quan hệ con chung: Bà U xác định bà và ông N có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018. Trong trường hợp ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung vì khả năng kinh tế của bà đảm bảo cho việc nuôi con. Đối với việc ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đ, bà cho rằng đó là trách nhiệm của một người cha đối với các con nên bà không can thiệp đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà U xác định không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho ông Nguyễn Hữu N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tố U; giao 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông N mỗi tháng 8.000.000đ (Mỗi con 2.000.000đ) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tố U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tố U đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Tố U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn

nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ bà U tại địa chỉ 520/42 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân ông bà không tôn trọng nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến tháng 10/2019 khi mâu thuẫn đỉnh điểm thì ông N bỏ đi thuê nhà riêng để sống. Bản thân ông N nhiều lần hàn gắn vợ chồng nhưng không được, ông bà sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nay ông N xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U.

Bà Nguyễn Thị Tố U có bản tự khai trình bày ý kiến không muốn ly hôn nhưng không thể hàn gắn được vợ chồng và chỉ đồng ý ly hôn khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Tố U là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, ông N cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn tình cảm với bà U nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bà Nguyễn Thị Tố U đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Tòa án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà tuy nhiên có đến Tòa án làm bản tự khai trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với ông N. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng ông N và bà U không còn chung sống với nhau tại địa phương. Bản thân ông N đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng được sự hòa giải, động viên nên đã rút đơn về hàn gắn vợ chồng nhưng không được. Về phía bà U có lời khai không đồng ý ly hôn nhưng không hàn gắn được vợ chồng và chỉ đồng ý ly hôn khi các con chung trưởng thành thể hiện mục đích không ly hôn vì các con của bà chỉ để tạo thêm áp lực cho ông N trong việc ly hôn và việc bà không thể hàn gắn vợ chồng cho thấy rằng hôn nhân của ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu N là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hữu N trình bày vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018. Ly hôn, ông N có nguyện vọng giao 04 con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) (Mỗi con 2.000.000đ) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Tố U cũng có ý kiến thống nhất theo nguyện vọng của ông N. Hiện nay các con chung đang do bà U trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân bà U cũng xác định bà đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo cuộc sống của các con, ông N hiện nay chưa có nơi ở ổn định; đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tham khảo ý kiến của 2 cháu Ngân Khánh và Bảo An theo quy định pháp luật, cả hai cháu đều mong muốn ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Tố U. Do vậy, nguyện vọng giao 04 con chung Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) (Mỗi con 2.000.000đ) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn " của ông Nguyễn Hữu N đối với bà Nguyễn Thị Tố U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tố U.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyền số 01 ngày 17 tháng 4 năm 2009 của UBND phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng)

2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Tố U có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018.

Giao 04 con chung Nguyễn Thị Ngân Khánh, sinh ngày 08/11/2011; Nguyễn Hà Bảo An, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 15/6/2018 cho bà Nguyễn Thị Tố U trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) (Mỗi con 2.000.000đ); Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005812 ngày 31/5/2022.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Ông Nguyễn Hữu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà